ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Số: 679 /TB-ĐHNN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024*

# THÔNG BÁO

**Về việc thi kết thúc học phần dành cho sinh viên chính quy chương trình đào tạo thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc các khóa**
**Học kỳ 2 năm học 2023-2024**

Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN thông báo kế hoạch thi (chính thức) **các học phần học kỳ 2 năm học 2023-2024** cho các lớp học phần thuộc chương trình đào tạo thứ hai (bằng kép) ngành Ngôn ngữ Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc và Ngôn ngữ Trung Quốc các khóa như sau:

## 1. Thời gian các ca thi:

| SÁNG | | | CHIỀU | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ca thi** | **Tập trung** | **Tính giờ làm bài** | **Ca thi** | **Tập trung** | **Tính giờ làm bài** |
| Ca 1 (Sáng) | **07h30** | **08h00** | Ca 3 (Chiều) | **13h00** | **13h30** |
| Ca 2 (Sáng) | **09h30** | **10h00** | Ca 4 (Chiều) | **15h00** | **15h30** |
| | | | Ca 5 (Chiều) | **16h30** | **17h00** |

## 2. Lịch thi chi tiết

| STT | Học phần tổ chức thi | Mã HP | TC | Ngày thi | Thứ | Buổi | Ca thi | Giờ thi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **A** | **Các học phần có tổ chức thi** | | | | | | | |
| 1 | Tiếng Trung Quốc 3C, Tiếng Trung Quốc 4C | CHI4031, CHI4032 | 3,4 | 30-3-24 | 7 | Sáng | 1 | 08h00 |
| 2 | Tiếng Anh 3C | ENG4031 | 3 | 31.3.24 | CN | Sáng | 1 | 08h00 |
| 3 | Lý Thuyết dịch *(TQ)* | CHI3040 | | | | | | |
| 4 | Tiếng Trung Quốc Du lịch khách sạn | CHI3052 | | | | | | |
| 5 | Biên dịch chuyên ngành *(TQ)* | CHI3020 | 3 | 06.4.24 | 7 | Sáng | 1 | 08h00 |
| 6 | Phiên dịch nâng cao *(TQ)* | CHI3048 | | | | | 2 | 10h00 |
| 7 | Tiếng Trung Quốc 2A, Tiếng Trung Quốc 2B | CHI2082, CHI2083 | 6 | 11.5.24 | 7 | Sáng | 1 | 08h00 |
| 8 | Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1 | JAP2001 | 3 | 21.5.24 | 3 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 9 | Ngôn ngữ học tiếng Anh 1 | ENG2055 | | | | | | |
| 10 | Đất nước học Hàn Quốc 2 | KOR2011 | | | | | | |
| 11 | Ngôn ngữ học tiếng Anh 2 | ENG2056 | | | | | 5 | 17h00 |
| 12 | Lý thuyết dịch *(Anh)* | ENG3049 | 3 | 22.5.24 | 4 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 13 | Ngôn ngữ học Tiếng Hàn 1 | KOR2001 | | | | | | |
| 14 | Tiếng Hàn Kinh tế thương mại | KOR3011 | | | | | 5 | 17h00 |
| 15 | Biên dịch nâng cao *(Anh)* | ENG3006 | | | | | | |
| 16 | Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch *(HQ)* | KOR3049 | 3 | 23.5.24 | 5 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 17 | Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch *(Anh)* | ENG3032 | | | | | | |
| 18 | Địa lý đại cương *(HQ)* | KOR1001 | | | | | 5 | 17h00 |
| 19 | Biên dịch *(Anh)* | ENG3030 | 3 | 24.5.24 | 6 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 20 | Lý thuyết dịch *(HQ)* | KOR3001 | | | | | | |
| 21 | Tiếng Nhật 2A, 2B | JAP2082,83 | 6 | 25.5.24 | 7 | Sáng | 1 | 08h00 |
| 22 | Tiếng Hàn 2A, 2B | KOR2082,83 | | | | | | |
| 23 | Phiên dịch (*Anh)* | ENG3062 | 3 | | | | | |
| 24 | Phiên dịch nâng cao *(Anh)* | ENG3064 | | | | | 2 | 10h00 |
| 25 | Tiếng Anh 4C | ENG4032 | 4 | 26.5.24 | CN | Sáng | 1 | 08h00 |
| 26 | Tiếng Anh học thuật 2 | ENG2051 | 3 | | | | | |

| STT | Học phần tổ chức thi | Mã HP | TC | Ngày thi | Thứ | Buổi | Ca thi | Giờ thi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | Môi trường phát triển *(HQ)* | KOR1002 | 3 | 27.5.24 | 2 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 28 | Đất nước học Anh Mỹ | ENG2052 | | | | | | |
| 29 | Biên dịch *(HQ)* | KOR3003 | | | | | 5 | 17h00 |
| 30 | Thống kê cho KHXH | MAT1078 | | | | | | |
| 31 | Phiên dịch *(HQ)* | KOR3002 | 3 | 28.5.24 | 3 | Chiều | 4 | 15h30 |
| 32 | Toán cao cấp | MAT1092 | 4 | | | | 5 | 17h00 |
| 33 | Nhập môn việt ngữ học | VLF1052 | 3 | | | | | |
| **B** | **Các học phần không tổ chức thi** | | | ***Các học phần không tổ chức thi (nộp báo cáo, viết bài, tiểu luận)*** | | | | |
| 1 | Giao tiếp liên văn hóa *(HQ)* | KOR2004 | 3 | | | | | |
| 2 | Phiên dịch *(Nhật)* | JAP3029 | 3 | | | | | |
| 3 | Biên dịch *(Nhật)* | JAP3001 | 3 | | | | | |
| 4 | Đất nước học Nhật bản 1 | JAP2003 | 3 | | | | | |
| 5 | Giao tiếp liên văn hóa *(Nhật)* | JAP2004 | 3 | | | | | |
| 6 | Tiếng Anh 3A | ENG4025 | 4 | | | | | |
| 7 | Tiếng Anh 3B | ENG4026 | 4 | | | | | |
| 8 | Phân tích diễn ngôn | ENG2060 | 3 | | | | | |
| 9 | Giao tiếp liên văn hóa | ENG2054 | 3 | | | | | |
| 10 | Ngữ dụng học tiếng Anh | ENG2057 | 3 | | | | | |
| 11 | Tiếng Anh kinh tế | ENG3072 | 3 | | | | | |
| 12 | Tiếng Anh TCNH | ENG3073 | 3 | | | | | |
| 13 | Tiếng Anh du lịch | ENG3070 | 3 | | | | | |
| 14 | Tiếng Anh GT trong KD | ENG3071 | 3 | | | | | |
| 15 | Báo chí trực tuyến | ENG3029 | 3 | | | | | |
| 16 | Tiếng Anh Xã hội 2 | ENG2050 | 3 | | | | | |

***Sinh viên lưu ý:***

*1. Sinh viên không hoàn thành nghĩa vụ học phí sẽ không đủ điều kiện dự thi học phần (cuối kỳ).*

*2. Các học phần có tổ chức thi theo hình thức trực tiếp, giảng đường/số hiệu phòng thi cụ thể được ghi trên danh sách phòng thi được thông báo chính thức 03 ngày trước ngày thi trên lịch thi chính thức.*

*3. Các học phần không tổ chức thi sẽ được Khoa/Bộ môn/Giảng viên hướng dẫn trực tiếp.*

*4. Sinh viên tham dự thi phải có mặt trước giờ thi 30 phút.*

**Hướng dẫn thực hiện:**

- Sinh viên được dự thi hết học phần phải có đủ các điều kiện sau:
  - Sinh viên đã đăng ký học, đảm bảo chuyên cần có đủ điểm thành phần, thi giữa kỳ;
  - Đóng đầy đủ học phí của học kỳ theo quy định của Nhà trường.
- Sinh viên xem danh sách phòng thi tại: https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/chuong-trinh-dao-tao-thu-hai/lich-thi-he-dao-tao-thu-hai/ *(03 ngày trước ngày thi trên lịch thi chính thức).*
- Đề nghị Giảng viên giảng dạy nộp danh sách điểm thành phần trước ngày thi trên lịch thi ít nhất 05 ngày, điểm chấm báo cáo, tiểu luận chậm nhất 14 ngày từ ngày kết thúc kế hoạch giảng dạy.
- Sinh viên liên hệ Văn phòng CTĐT thứ 2 (P.101B-nhà B3- Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQGHN, Điện thoại: 024 66519803, email: phongdaotaoulis@gmail.com

***Nơi nhận***:
- BGH (để báo cáo);
- Phòng Thanh tra pháp chế (phối hợp);
- Khoa SP Tiếng Anh, khoa NN&VH CNN Tiếng Anh, NN&VH Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc (phối hợp);
- Phòng KHTC, Phòng Quản trị (phối hợp);
- Sinh viên CTĐT thứ 2 các khóa (thực hiện);
- Lưu: HCTH, ĐT, D.T5

**TL. HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

**Nguyễn Thúy Lan**